TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 360/2018/HS-ST
Ngày: 19-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn;

2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Chiến- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 372/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 375/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Chu Văn G, sinh năm 1984 tại tỉnh Vĩnh Phúc; thường trú: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; tạm trú: Ô 6, DC09, D18 khu dân cư Việt Sing, khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Chu Văn H, sinh năm 1960 và bà Lưu Thị S, sinh năm 1960; có 03 chị em, lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm 1988; có vợ tên Bùi Thị H1, sinh năm 1990; có hai con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/3/2012, bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 năm 06 tháng tù về Tội hiếp dâm theo Bản án số 77/2012/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 31/8/2015; bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2018 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Bùi Mạnh H2, sinh năm 1999; địa chỉ: Đường số 10, khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Bùi Thị H1, sinh năm 1990; địa chỉ: Ô 6, DC09, D18 khu dân cư Việt Sing, khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 17/9/2018, bị cáo Chu Văn G điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu đen bạc, biển số 88L1-469.92 đến đường số 6 thuộc khu Công nghiệp S, thị xã D, tỉnh Bình Dương thấy anh Bùi Mạnh H2 dừng xe đạp điện ở bên đường, tay cầm điện thoại di động. Bị cáo G đến gặp H2 hỏi mượn điện thoại để gọi cho bạn thì H2 đồng ý. G cầm điện thoại giả vờ nghe rồi nói cho H2 biết bạn đang bận chờ chút sẽ gọi lại và cầm điện thoại di động trên tay. Sau đó, Giang kêu H2 cùng chạy xuống nhà khách A11 Quân đoàn 4 thuộc khu phố T, phường D để đón bạn. Tại đây, G kêu H2 ngồi chờ để đi đón bạn rồi quay lại, sau đó G cầm điện thoại chạy về phòng cất giữ. Anh H2 không thấy G quay lại nên đến Công an Đồn khu công nghiệp S trình báo. Cùng ngày, bị cáo G đến đồn công an khu công nghiệp đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 Youth Gold, kèm theo sim số 01695.950.375; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu đen bạc, biển số 88L1-469.92 , số máy JF63E1579946; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 276/BB.ĐG ngày 25/9/2018 của Hội đồng định giá thị xã D kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 Youth Gold trị giá 4.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu đen bạc, biển số 88L1-469.92 trị giá 34.000.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 376/QĐ - KSĐT ngày 01 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Chu Văn G về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Chu Văn G mức án từ 07 đến 10 tháng tù và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Chu Văn G thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong bản cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 09 giờ ngày 17/9/2018 tại đường số 6 thuộc khu Công nghiệp S, thị xã D, tỉnh Bình Dương, bị cáo Chu Văn G quan sát thấy anh Bùi Mạnh H2 đang ngồi trên xe đạp điện, tay cầm điện thoại. Bị cáo G điều khiển xe mô tô Honda Air Blade màu đen bạc, biển số 88L1-469.92 đến gần anh H2 và hỏi mượn điện thoại để gọi cho bạn. Sau khi anh H2 đưa điện thoại, G cầm điện thoại giả vờ nghe và nói cho anh H2 biết bạn đang bận nên cầm điện thoại mượn trên tay chờ gọi lại. Sau đó, bị cáo G nói anh H2 cùng chạy xuống nhà khách A11 Quân đoàn 4 thuộc khu phố T, phường D để đón bạn. Đến nơi bị cáo nói anh H2 ngồi chờ đón bạn sẽ quay lại, sau đó G cầm điện thoại chạy về phòng cất giữ. Tài sản bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá trị giá 4.000.000 đồng.

Tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật Hình sự 2015, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại.

..."

Như vậy, hành vi của bị cáo Chu Văn G sử dụng thủ đoạn gian dối để bị hại tin tưởng giao tài sản cho bị cáo nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại đã đủ yếu tố cấu thành Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó Cáo trạng số 376/QĐ - KSĐT ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã D và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo Chu Văn G là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm

đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá không lớn, đã thu hồi trả lại cho người bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo không nghề nghiệp, có nhân thân xấu, ngày 14/3/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 năm 06 tháng tù về Tội hiếp dâm theo Bản án số 77/2012/HSST, sau khi chấp hành án xong bị cáo không sửa chữa làm người tốt mà còn bị xử phạm vi phạm hành chính và phạm tội mới.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 Youth Gold đã thu hồi trả lại cho người bị hại Bùi Mạnh H2. Anh H2 không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D đã trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu đen bạc, biển số 88L1-469.92 là tài sản chung của bị cáo và vợ là chị Bùi Thị H1. Việc bị cáo sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội chị H1 không biết. Nên cần tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước ½ trị giá chiếc xe mô tô, tương đương số tiền 17.000.000 đồng theo kết luận định giá tài sản số 276/BB.ĐG ngày 25/9/2018 của Hội đồng định giá thị xã D; chị H1 có nghĩa vụ nộp vào Ngân sách Nhà nước 17.000.000 đồng tiền trị giá ½ chiếc xe mô tô trên để nhận lại xe.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo và vấn đề xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Chu Văn G phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Chu Văn G 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/9/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước ½ giá trị xe môtô hiệu Honda Air Blade màu đen bạc, biển số 88L1-469.92, số máy JF63E1579946, số khung RLHJF630FZ225861 tương đương 17.000.000 đồng; chị Bùi Thị H1 có trách nhiệm nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 17.000.000 đồng để nhận lại xe mô tô trên.

3. Án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Chu Văn G phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- Công an thị xã Dĩ An;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng BC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VT, HSVA, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngà